

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05/8/2024

“V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
Chia tài sản khi ly hôn”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Y Dhiều H Mok.

2. Ông Nguyễn Văn Thức.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Yên- Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thu Hà; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án -Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 296/2023/TLST- HNGĐ, ngày 21/12/2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 21/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T

Địa chỉ: TDP P, phường A, thị xã B, Đắk Lắk

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy H

Địa chỉ: A, phường AB, thị xã B, Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Phạm Minh Q

Địa chỉ: TDP Đ, phường T, thị xã Buôn Hồ, Đắk Lắk

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số H, phường T, quận B, TP Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V- Chức vụ Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Hữu T- Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh B, Bắc Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Huỳnh Ngọc T.

Địa chỉ: H, phường A, thị xã B, Đắk Lắk, có mặt.

2. Bà Trần Thị N; Địa chỉ: L, TDP M, phường A, thị xã B, Đắk Lắk, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phạm Minh Q chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND phường T, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc, nhưng gần đây chúng tôi phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã khiến cho hôn nhân không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay tôi nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với ông Q, đề nghị Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và anh Phạm Minh Q có 02 con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/6/2010 và Phạm Quang A, sinh ngày 05/10/2017. Hiện nay hai con chung đang sinh sống cùng tôi. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi yêu cầu ông Phạm Minh Q cấp dưỡng đối với con chung Phạm Quang A, sinh ngày 05/10/2017 với số tiền 1.500.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi Bản án có hiệu lực cho đến khi con chung trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án tôi có yêu cầu chia các tài sản chung như sau: 01 máy may điện tử 1 kim JACK A5, 01 máy vắt sổ 5 chỉ SIRUBA; 01 máy vắt sổ 4 chỉ SIRUBA; 02 máy 1 kim HUKI ; 01 chiếc xe máy SYM. Tuy nhiên hiện nay tôi không biết các tài sản trên ở đâu nên tôi xin rút toàn bộ yêu cầu về phân chia tài sản chung. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung.

- Về công nợ chung: Trong quá trình chung sống tôi và ông Q có vay của Ngân hàng Agribank – Chi nhánh B - Bắc Đắk Lắk số tiền là 70.000.000 đồng. Ngoài ra hai vợ chồng tôi có mượn bà Trần Thị N 12 chỉ vàng y (vàng 9999).

Đối với số nợ chung giữa vợ chồng tôi và Ngân hàng Agribank – Chi nhánh B - Bắc Đắk Lắk: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số công nợ trên theo quy định của pháp luật.

Đối với số nợ chung giữa vợ chồng tôi và bà Trần Thị N: Hiện bà N đã có đơn xin rút đơn nên tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Huy H, trình bày:** Tôi đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

**-Quá trình giải quyết vụ án người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N, trình bày:**

Tôi là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Minh Q là con rể của tôi. Khoảng năm 2017, chị T và anh Q có vay của tôi 12 chỉ vàng. Khi mượn vàng, tôi và chị T, anh Q chỉ thỏa thuận bằng miệng không viết giấy vay mượn. Tôi có ghi âm thể hiện anh Q thừa nhận có vay của tôi 12 chỉ vàng y (vàng 9999). Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Minh Q phải trả cho tôi tổng cộng 12 chỉ vàng; cụ thể chị Nguyễn Thị T phải trả cho tôi 6 chỉ vàng, anh Phạm Minh Q phải trả cho tôi 6 chỉ vàng.

Đến ngày 31/7/2024 bà Trần Thị N có đơn xin rút toàn bộ đơn khởi kiện.

**- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc T, trình bày:**

Ngày 12/11/2018 ông Phạm Minh Q ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T vay vốn tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh B- Bắc Đăk Lăk theo hợp đồng tín dụng số 5208LAV201802348 vay số tiền là 100.000.000 đồng. Anh Q và chị T đã trả cho Ngân hàng 30.000.000 đồng. Hiện ông Q và bà T vẫn còn nợ Ngân hàng 70.000.000 đồng.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, ngày 09/11/2018 ông Q và bà T có kí hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241248379/HĐTC, tài sản thế chấp có đặc điểm như sau: Thửa đất số 399, tờ bản đồ số 05, diện tích 240m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất tọa lạc tại phường A, thị xã B, Đăk Lăk; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác số BA 116600 do UBND thị xã Buôn Hồ cấp ngày 03/3/2011 mang tên Nguyễn Thị T, Phạm Minh Q.

Nay Ngân hàng Agribank yêu cầu ông Q và bà T phải trả tổng số tiền tính đến ngày 05/8/2024 là 115.665.342đ, trong đó nợ gốc 70.000.000đ, nợ lãi trong hạn 31.961.507đ, nợ lãi quá hạn 13.961.507đ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Q và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241248379/HĐTC ngày 09/11/2018 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

***-Đối với bị đơn ông Phạm Minh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải với ông Phạm Minh Q được.***

Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2024, tại UBND phường T, thị xã Buôn Hồ cho biết: Ông Q, bà T chung sống tự nguyện với nhau và có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống ông Q, bà T có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không báo lên chính quyền địa phương nên chính quyền địa phương không nắm rõ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:*** Đối với Thẩm phán, HĐXX, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 72 không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phạm Minh Q; Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/6/2010 và Phạm Quang A, sinh ngày 05/10/2017 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tuấn trưởng thành (Tròn 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà T đối với con chung Phạm Quang A, sinh ngày 05/10/2017 mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về công nợ chung: Buộc ông Phạm Minh Q và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền tính đến ngày 05/8/2024 là: 115.665.342đ, trong đó nợ gốc 70.000.000đ, nợ lãi trong hạn 31.961.507đ, nợ lãi quá hạn 13.961.507đ.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Q và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án

dân sự xử lý tài sản thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241248379/HĐTC ngày 09/11/2018 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Phạm Minh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ pháp luật*: Ông Q, bà T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2010 tại UBND phường T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp khi có tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã Buôn Hồ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy: Ông Q, bà T có đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2010 tại UBND phường T, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống ông bà sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường hay cãi vã và thường xuyên mâu thuẫn nhau, bất đồng quan điểm sống. Nay bà T nhận thấy không thể tiếp tục sống chung với ông Q nữa, nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q. Hội đồng xét xử xét thấy giữa ông Q và bà T đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà T ly hôn ông Q là phù hợp với biên bản xác minh và phù hợp các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3.1] *Về con chung*: Quá trình chung sống ông Q, bà T có 02 con chung là: Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/6/2010 và Phạm Quang A, sinh ngày 05/10/2017. Hiện nay các con chung đang sống cùng với bà T. Hội đồng xét xử nhận thấy, cần giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Cần buộc ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà T đối với con chung Phạm Quang A, sinh ngày 05/10/2017 mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi Bản án có hiệu lực cho đến khi con chung trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

[3.3] *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] *Về công nợ chung*: -Xét yêu cầu của Ngân hàng N HĐXX xét thấy: Vào ngày 12/11/2018 ông Phạm Minh Q ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T vay vốn tại Ngân hàng Agribank – Chi nhánh B- Bắc Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng số 5208LAV201802348 để vay số tiền là 100.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Q và bà T đã trả cho Ngân hàng 30.000.000 đồng. Hiện anh Q và chị T vẫn còn nợ Ngân hàng 70.000.000 đồng. Để bảo đảm cho khoản vay trên, ngày 09/11/2018 ông Q và bà T có kí hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241248379/HĐTC, tài sản thế chấp có đặc điểm như sau: Thửa đất số 399, tờ bản đồ số 05, diện tích 240m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất tọa

lạc tại phường An Bình, thị xã B, Đắk Lắk; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác số BA 116600 do UBND thị xã Buôn Hồ cấp ngày 03/3/2011 mang tên Nguyễn Thị T, Phạm Minh Q.

Nay Ngân hàng N yêu cầu ông Phạm Minh Q và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền đến ngày 05/8/2024 là: 115.665.342đ, trong đó nợ gốc 70.000.000đ, nợ lãi trong hạn 31.961.507đ, nợ lãi quá hạn 13.961.507đ. Trường hợp ông Q và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241248379/HĐTC ngày 09/11/2018 để thu hồi nợ cho ngân hàng, là có căn cứ phù hợp với hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, phù hợp với các Điều 317; 318; 320; 321; 322; 323; 463; 466; 468 BLDS Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

-Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N có yêu cầu độc lập, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa bà Trần Thị N có đơn xin rút đơn yêu cầu nên HĐXX xét thấy cần đình chỉ đối với yêu cầu của bà Trần Thị N.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản:

Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 2.000.000đ xem xét thẩm định, định giá tài sản đối với yêu cầu chia tài sản chung (Đã chi phí xong).

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với yêu cầu của Ngân hàng N là 1.500.000đ. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông Q, bà T phải chịu đối với chi phí này là phù hợp. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 1.500.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu được của ông Q, bà T.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Ông Q phải chịu án phí cấp dưỡng và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 157; Điều 158; 164, 165; 217; 218; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 33, Điều 38, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Phạm Minh Q.

**2. Về con chung:** Giao 02 con chung Phạm Quỳnh A, sinh ngày 27/6/2010 và Phạm Quang A, sinh ngày 05/10/2017 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

**3. Về cấp dưỡng:** Ông Phạm Minh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Nguyễn Thị T đối với con chung Phạm Quang A, sinh ngày 05/10/2017 mỗi tháng 1.500.000đ kể từ khi Bản án có hiệu lực cho đến khi con chung trưởng thành (Tròn 18 tuổi).

Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

**4. Về tài sản chung:** Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**5. Về công nợ chung:** - Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N:

Buộc anh Phạm Minh Q và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền đến ngày 05/8/2024 là: 115.665.342đ, trong đó nợ gốc 70.000.000đ, nợ lãi trong hạn 31.961.507đ, nợ lãi quá hạn 13.961.507đ và tiếp tục tính lãi suất từ ngày 06/8/2024 cho đến khi ông Q, bà T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Q và bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241248379/HĐTC ngày 09/11/2018 để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Trường hợp ông Q và bà T trả hết nợ thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại cho ông Q và bà T tài sản thế chấp ghi cụ thể trong Hợp đồng thế chấp hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241248379/HĐTC ngày 09/11/2018 .

-Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Trần Thị N.

Bà Trần Thị N được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

**6. Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản:**

Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu 2.000.000đ xem xét thẩm định, định giá tài sản đối với yêu cầu chia tài sản chung (Đã chi phí xong).

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với yêu cầu của Ngân hàng N là 1.500.000đ. Ông Q, bà T mỗi người phải chịu 750.000đ. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 1.500.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu được của ông Q, bà T.

**7. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 2.891.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0018898, ngày 21/12/2023 và 312.500đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/001818922, ngày 11/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Chị T còn phải nộp số tiền 2.578.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Q phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng và 2.891.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị N 1.860.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001430, ngày 05/4/2024 tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Hoàn trả cho Ngân hàng N 2.805.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0001523, ngày 02/5/2024 tại chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- THADS thị xã Buôn Hồ;
- UBND P. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đinh Thị Hương**

